

Quy hoạch không gian biển – các bài học từ Na Uy

Hilde Solbakken, Đại sứ Na Uy

Havbaserte klimaløsninger

Vận chuyển quốc tế
International Shipping
0.75-1.5 GtCO₂e



Điện gió ngoài khơi
Offshore Wind
0.65-3.50 GtCO₂e



Vận chuyển nội địa
Domestic Shipping
0.15-0.3 GtCO₂e



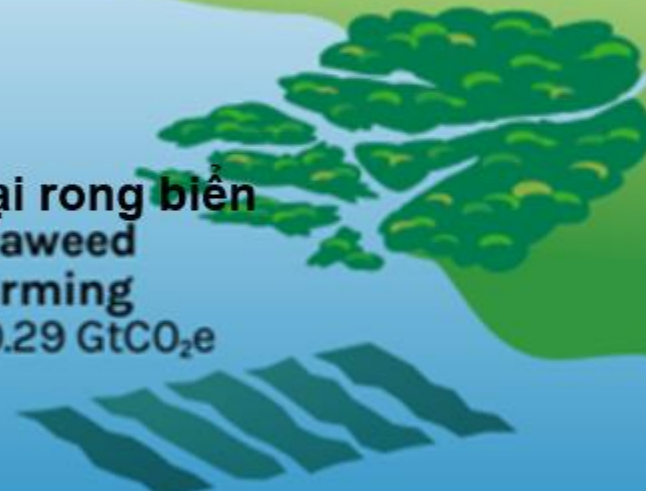
Ăn uống lành mạnh
Dietary Shifts
0.3-1.06 GtCO₂e



Nuôi trồng hải sản
Aquaculture
0.0-.04 GtCO₂e



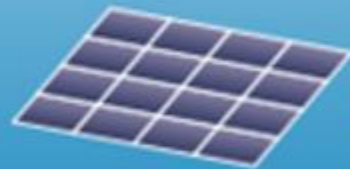
Nông trại rong biển
Seaweed Farming
0.05-0.29 GtCO₂e



Đầm nước mặn
Salt Marshes
0.05-0.10 GtCO₂e

Cỏ biển
Seagrasses
0.05-0.22 GtCO₂e

Khai thác năng lượng đại dương
Ocean Energy
0.11-1.90 GtCO₂e

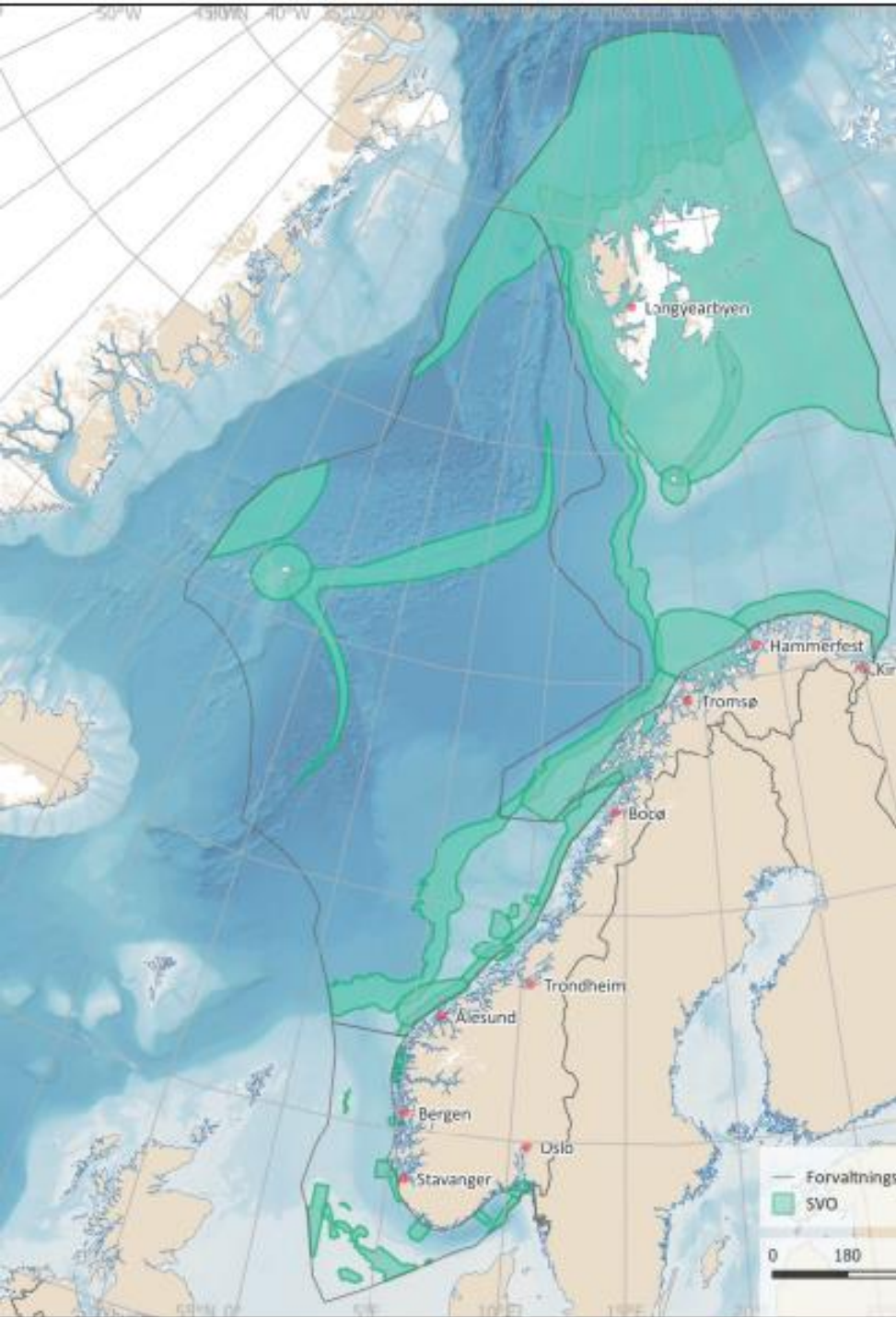


Đánh bắt hải sản
Wild Capture Fisheries
0-0.14 GtCO₂e



Tồn trữ CO₂ dưới đáy biển
Seabed Storage of Carbon
0.5-2.0 GtCO₂e

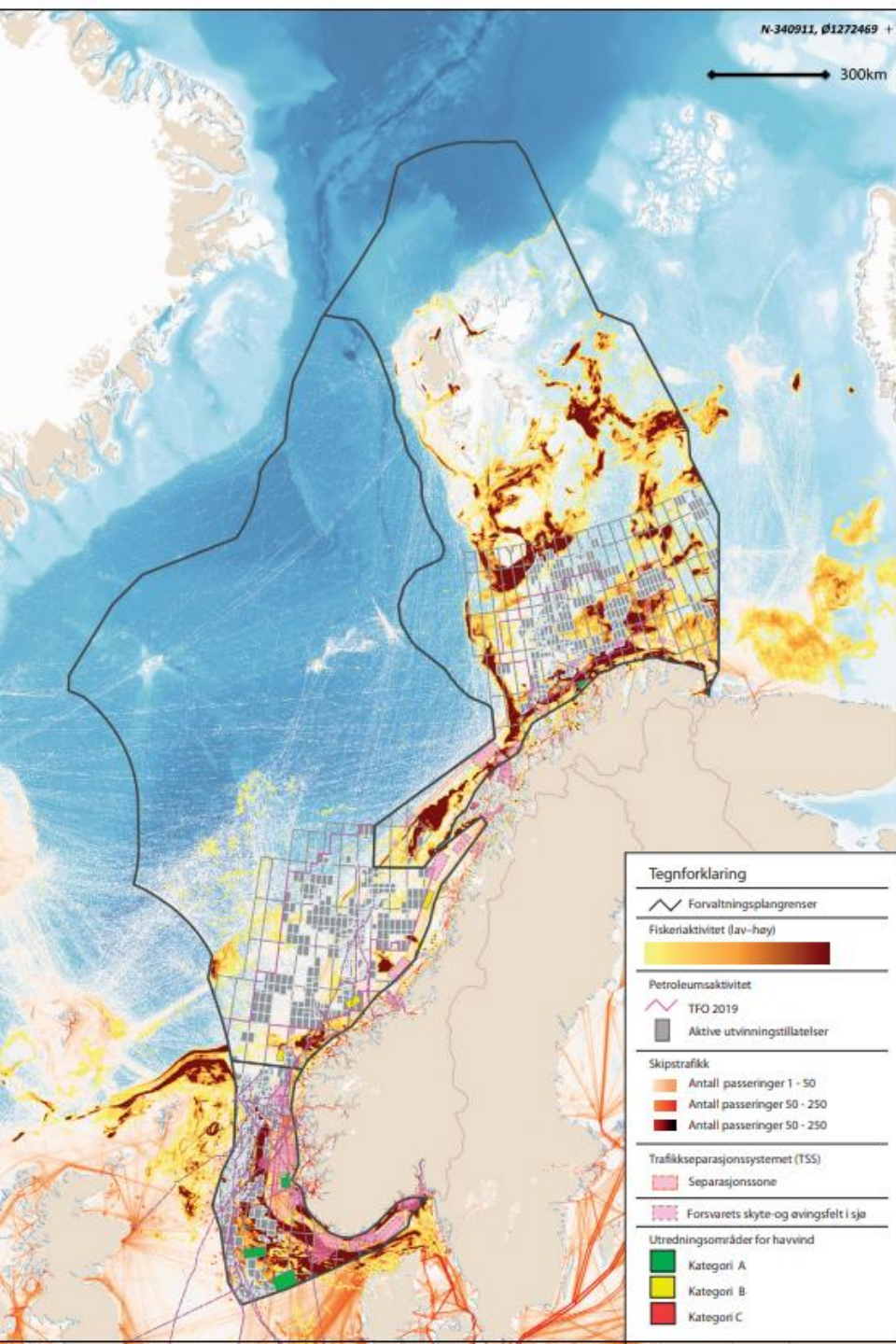




Lập bản đồ

- Môi trường – khu vực dễ bị tổn thương, khu vực được bảo vệ

Nguồn: Miljødirektoratet/Arealverktøyet



Lập bản đồ

- Dữ liệu vật lý
- Lĩnh vực hoạt động: Đánh cá, nuôi trồng thủy sản, vận tải biển, dầu khí, gió ngoài khơi, quân sự, v.v...
- Nguồn: Fiskeridirektoratet, Kystverket, Miljødirektoratet, Norges vassdrags- og energidirektorat, Oljedirektoratet/Arealverktøyet.
- Bakgrunnskart til Arealverktøyet: GEBCO og Kartverket

